

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HS-ST
Ngày 17 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Trung Tuyển

Ông Lê Bá Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2021/TLST- HS ngày 04 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn T**, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1978 tại thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu H, thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1945 và bà Mai Thị G, sinh năm 1943; Vợ: Hoàng Thúy N, sinh năm 1979; Có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2011; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 3; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2021 đến ngày 09/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Quang H** - Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1982 tại xã K, huyện N, tỉnh T; Nơi

cư trú: Thôn T xã K , huyện N , tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Quang T , sinh năm 1954 và bà Trịnh Thị L , sinh năm 1954; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 1; Vợ: Đỗ Thị N , sinh năm 1984; Có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2021 đến ngày 09/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Nguyễn Hữu D - Sinh ngày 06 tháng 12 năm 1992 tại thị trấn S , huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu 1 thị trấn S , huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu N , sinh năm 1969 và bà Lê Thị V , sinh năm 1969; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Vợ: Trịnh Thị D , sinh năm 1994; Có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2021 đến ngày 09/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Lê Trọng C - Sinh ngày 05 tháng 11 năm 1980 tại thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu H , thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trọng Đ sinh năm 1953 và bà Lê Thị T , sinh năm 1955; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Vợ Hoàng Thị H , sinh năm 1979; Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2021 đến ngày 09/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

5. Mai Xuân H - Sinh ngày 03 tháng 7 năm 1982 tại xã Đ , huyện Đ , tỉnh N ; Nơi cư trú: Khu H , thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Xuân V , sinh năm 1957 và bà Lê Thị D , sinh năm 1960; Gia đình có 03 anh em bị cáo là con thứ 1. Vợ: Lê Thị Thu T , sinh năm 1984; Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2021 đến ngày 09/4/2021 thì thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Thị H - Sinh ngày 10 tháng 8 năm 1988 tại xã T huyện N , tỉnh T; Nơi cư trú: Khu H , thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu K , sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1963; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Chồng: Lê Đình T , sinh năm 1983; Có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2021 đến ngày 09/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: 1. Anh Lê Viết T ; Sinh năm 1973. Có mặt

2. Anh Trịnh Xuân T , sinh năm 1979. Có mặt

Cùng địa chỉ: Khu H , thị trấn L, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 03/4/2021, Lê Văn T, Lê Trọng C, Mai Xuân H, Nguyễn Hữu D và Lê Quang H cùng đến ăn liên hoan tại nhà ông Trịnh Đình L ở khu H , thị trấn L, huyện T. Khoảng 19h 30 phút T , C , H sang nhà chị Nguyễn Thị H là hàng xóm nhà ông L ngồi uống nước. Tại phòng khách, T thấy bộ bài tú lơ khơ ở gầm bàn uống nước nên cầm lên đặt xuống chiếu nhựa đang trải sẵn dưới nền và nói: “Anh em ta làm tý”. Hiểu ý T rủ đánh bài ăn tiền nên C và H đồng ý ngồi xuống chơi. Chơi được một lúc thì có H và D tham gia cùng. Các đối tượng thống nhất đánh bạc dưới hình thức đánh “ba cây” ăn tiền, mỗi ván đặt cửa 20.000đ sau đó tăng lên 50.000đ, ai được 10 điểm thì cầm cái. Các bị cáo đánh bạc đến 20h 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an thị trấn L vào kiểm tra phát hiện và bắt quả tang.

Thu giữ gồm: 01 chiếu nhựa, 01 bộ bài Tú lơ khơ 36 cây, thu tại chiếu số tiền 10.250.000đ; Thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus gắn thẻ sim 0384283168; Thu giữ của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A7 gắn 02 thẻ sim 0976.028.787 và 0368.022.287; Thu giữ của C 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 gắn 02 thẻ sim 0944051180 và 0858641193.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận khi tham gia đánh bạc T sử dụng số tiền 2.700.000đ; H sử dụng 3.000.000đ; D sử dụng 2.000.000đ; C sử dụng 1.650.000đ và H sử dụng 900.000đ. Tổng số tiền đánh bạc là 10.250.000đ.

Khi ở nhà ông L về, Nguyễn Thị H là chủ nhà có biết các đối tượng đang đánh bạc tại nhà ở của mình nhưng vì quen biết và nể nang nên không ngăn cản.

Đối với Lê Viết T và Trịnh Xuân T không tham gia đánh bạc nên không có căn cứ xử lý.

Qua kiểm tra những chiếc điện thoại đã thu giữ không phát hiện có thông tin dữ liệu liên quan đến việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là T, C và H.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây; Số tiền 10.250.000đ; 01 chiếc nhựa đã qua sử dụng đang quản lý theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 75/CT - VKSTX ngày 30/9/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo: Lê Văn T, Lê Quang H, Nguyễn Hữu D, Lê Trọng C, Mai Xuân H và Nguyễn Thị H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo: Lê Văn T, Lê Quang H, Nguyễn Hữu D, Lê Trọng C, Mai Xuân H và Nguyễn Thị H phạm tội: “Đánh bạc”;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Văn T, Lê Quang H, Nguyễn Hữu D, Lê Trọng C; Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Lê Văn T từ 09(chín) tháng đến 12(mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18(mười tám) tháng đến 24(hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị cáo Lê Quang H, Nguyễn Hữu D, Lê Trọng C từ 06(sáu) tháng đến 10(mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12(mười hai) tháng đến 20(hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị HĐXX không phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo T, H, D, C.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Mai Xuân H và Nguyễn Thị H;

Đề nghị xử phạt Bị cáo Mai Xuân H từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Đề nghị xử phạt Bị cáo Nguyễn Thị H từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật; Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản thu giữ tang vật, lời khai của những người làm chứng đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào ngày 03/4/2021 các bị cáo: Lê Văn T, Lê Quang H, Nguyễn Hữu D, Lê Trọng C, Mai Xuân H đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh “Ba cây” ăn tiền với tổng số tiền là 10.250.000đ. Do đó hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc”. Bị cáo Nguyễn Thị H đồng ý để cho các bị cáo đánh bạc tại nhà ở của mình nên đồng phạm với các bị cáo về tội đánh bạc.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo: Lê Văn T, Lê Quang H, Nguyễn Hữu D, Lê Trọng C, Mai Xuân H và Nguyễn Thị H phạm tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 75/CT - VKSTX ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đều nhằm mục đích lợi nhuận, thắng thua sát phạt lẫn nhau bằng hình thức đánh bạc ăn tiền. Hành vi đó đã xâm phạm trật tự trị

an, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Đây là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả xấu và nghiêm trọng khác. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh để giáo dục các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[4] Về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là trường hợp có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò và mức độ phạm tội khác nhau nên các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Trong vụ án này bị cáo Lê Văn T là người rủ các bị cáo đánh bạc và tham gia đánh bạc từ đầu với số tiền 2.700.000 nên bị cáo T xếp vai trò thứ nhất trong vụ án. Do đó bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao nhất;

Bị cáo H tham gia đánh bạc từ đầu với số tiền 3.000.000đ nên bị cáo H xếp vai trò thứ hai trong vụ án. Do đó bị cáo H phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo T và cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo D tham gia đánh bạc với số tiền 2.000.000đ nên xếp vai trò thứ 3 trong vụ án.

Bị cáo C tham gia đánh bạc từ đầu với số tiền 1.650.000đ nên xếp vai trò thứ 4 trong vụ án.

Bị cáo H tham gia đánh bạc sau cùng số tiền tham gia đánh bạc là 900.000đ nên xếp vai trò thứ 5 trong vụ án.

Bị cáo H đồng phạm với vai trò giúp sức nên xếp vai trò cuối cùng trong vụ án.

[5] Về nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì HĐXX thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt: HĐXX xét thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng và không còn nguy hiểm cho xã hội nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội. HĐXX căn cứ vào điều 65 BLHS giao các bị cáo Lê Văn T, Lê Quang H, Nguyễn Hữu D, Lê Trọng C cho chính quyền địa phương nơi

cư trú giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo H tham gia đánh bạc sau cùng với số tiền thấp nhất trong vụ án; Bị cáo H đồng phạm với vai trò giúp sức nên HĐXX áp dụng điều 35 BLHS xử phạt 02 bị cáo hình thức phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T, H, D, C đều có hoàn cảnh, điều kiện kinh tế khó khăn nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là 01 bộ bài Tú lơ khơ 36 cây là công cụ phương tiện phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 10.250.000đ các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với 01 chiếc chiếu nhựa đã qua sử dụng là vật không có giá trị và không sử dụng được nên căn cứ khoản 1 điều 47 BLHS và điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015;

- Tuyên bố: Các bị cáo: Lê Văn T, Lê Quang H, Nguyễn Hữu D, Lê Trọng C, Mai Xuân H và Nguyễn Thị H phạm tội: "Đánh bạc"

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với bị cáo: Lê Văn T, Lê Quang H, Nguyễn Hữu D, Lê Trọng C;

- Xử phạt: Bị Lê Văn T 09(Chín)tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18(mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị cáo Lê Quang H 08(tám)tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16(mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hữu D 07(bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14(mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Lê Trọng C 06(sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12(mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Văn T, Lê Trọng C cho UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Giao bị cáo Nguyễn Hữu D cho UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh T; Giao bị cáo Lê Quang H cho UBND xã K, huyện N, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Mai Xuân H và Nguyễn Thị H;
- Xử phạt tiền 25.000.000đ đối với bị cáo Mai Xuân H
- Xử phạt tiền 20.000.000đ đối với bị cáo Nguyễn Thị H
- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 36 cây bài Tú lơ khơ; 01 chiếc chiếu nhựa đã qua sử dụng; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 10.250.000đ

Toàn bộ số vật chứng trên được thể hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng số 01 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc các bị cáo Lê Văn T, Lê Quang H, Nguyễn Hữu D, Lê Trọng C, Mai Xuân H và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND;
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T
- Trại tạm giam Công an

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- tỉnh T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Hằng